

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Phương;

Bà Chu Mai Hương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Đức Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2025/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tô Thị Hải Y, sinh năm 1999. Căn cước công dân số 020199008606 do Bộ C cấp ngày 06/8/2024; địa chỉ: Thôn M, xã N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn N, sinh năm 1996. Căn cước công dân số 020096010246 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/8/2021; địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai sau đó và trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Tô Thị Hải Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N được tự do tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương vào năm 2017, có đăng ký kết hôn ngày 15/5/2017, số 29, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là xã N), tỉnh Lạng Sơn. Trong thời gian sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, do quan điểm sống không hòa hợp. Vợ chồng không còn sinh sống cùng nhau, không liên lạc,

không quan tâm đến nhau, hai bên gia đình đều biết vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên cũng không ai có ý kiến gì. Nay chị Tô Thị Hải Y xác định tình cảm vợ chồng với anh Vi Văn N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn N.

Về con chung: Có 04 con chung là Vi Thị Kim N1, sinh ngày 09/5/2016; Vi Thị Thúy N2, sinh ngày 18/12/2018; Vi Thị Như Q, sinh ngày 15/8/2020 và Vi Quốc P sinh ngày 16/3/2023. Cả 04 người con hiện nay đều đang sống cùng anh Vi Văn N. Khi ly hôn chị Tô Thị Hải Y yêu cầu anh Vi Văn N nuôi cả 04 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Tô Thị Hải Y cấp dưỡng hàng tháng là 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi đủ 18 tuổi. Các cháu từ trước đến nay vẫn được anh Vi Văn N nuôi dưỡng ổn định và có chỗ ở ổn định. Anh Vi Văn N ở nhà làm ruộng, thu nhập bao nhiêu chị không nắm được và có bố mẹ để hỗ trợ nuôi các cháu. Chị Tô Thị Hải Y đi làm công ty thu nhập không ổn định và không ký hợp đồng gì, lúc thì ở công ty này, lúc ở công ty khác nên cũng không ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Tô Thị Hải Y đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin giải quyết xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Vi Văn N không tham gia tố tụng, không hợp tác cung cấp bản khai.

Tại biên bản lấy lời khai con ngày 13/11/2025, các cháu Vi Thị Kim N1 và Vi Thị Thúy N2 trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống cùng bố do vẫn được chăm sóc đầy đủ, không ai ép buộc các cháu phải khai như vậy.

Tại biên bản xác minh ngày 13/11/2025, bà Lộc Thị D - Mẹ đẻ của anh Vi Văn N cung cấp thông tin: Vợ chồng chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N không có mâu thuẫn gì. Năm 2024 chị Tô Thị Hải Y đi làm công ty sau đó không về nhà, chỉ về ăn tết xong bỏ đi từ đó đến nay. Sau khi nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, anh Vi Văn N có nói lại là kệ chị Tô Thị Hải Y muốn làm gì thì làm. Về con chung: Chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N có 04 con chung hiện nay đang sống cùng với anh Vi Văn N và vợ chồng bà. Chị Tô Thị Hải Y không hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nhưng cả 04 cháu vẫn được vợ chồng bà và anh Vi Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo, đi học đầy đủ. Hiện nay anh Vi Văn N đi làm công ty thu nhập bao nhiêu bà không nắm được nhưng vẫn gửi tiền về cho vợ chồng bà để nuôi con. Bản thân anh Vi Văn N đi làm công ty không được nghỉ nên thỉnh thoảng mới về vào cuối tuần.

Tại biên bản xác minh ngày 13/11/2025, ông Hoàng Văn T - Phó thôn Bản Tấu, xã N, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Ông không nắm được mâu thuẫn vợ chồng của chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N nhưng từ Tết nguyên đán năm 2025 không thấy chị Tô Thị Hải Y sinh sống cùng với anh Vi Văn N, còn chị Tô Thị

Hải Y đi đâu, làm gì ông không nắm được. Về con chung của chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N, cả 04 cháu hiện nay vẫn được ông bà nội và anh Vi Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng, cho các cháu đi học đầy đủ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Lạng Sơn:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Vi Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về yêu cầu ly hôn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy: Chị Tô Thị Hải Y kết hôn với anh Vi Văn N trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là xã N), tỉnh Lạng Sơn vào ngày 15/5/2017 đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, do quan điểm sống không hòa hợp. Chị Tô Thị Hải Y đã bỏ về nhà bố đẻ là Tô Văn L tại thôn M, xã N, tỉnh Lạng Sơn sinh sống, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, anh Vi Văn N biết việc chị Tô Thị Hải Y yêu cầu ly hôn và có ý kiến để chị Tô Thị Hải Y muốn làm gì thì làm và không tham gia tố tụng tại Tòa án. Xét thấy tình trạng hôn nhân của giữa chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N có nhiều mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Tô Thị Hải Y được ly hôn với anh Vi Văn N.

Về nuôi con chung: Chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N có 04 con chung là Vi Thị Kim N1, sinh ngày 09/5/2016; Vi Thị Thúy N2, sinh ngày 18/12/2018; Vi Thị Như Q, sinh ngày 15/8/2020 và Vi Quốc P sinh ngày 16/3/2023. Cả 04 người con hiện nay đều đang sống cùng anh Vi Văn N. Khi ly hôn chị Tô Thị Hải Y yêu cầu anh Vi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và chị Tô Thị Hải Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy anh Vi Văn N đi làm công ty, có thu nhập, có chỗ ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ và trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 04 con chung. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị giao 04 cháu cho anh Vi Văn N tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi cháu 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của chị Tô Thị Hải Y tự nguyện cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung không có, do vậy không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Toà án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt. Nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Vi Văn N, đăng ký thường trú và chỗ ở tại thôn B, xã N, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là xã N), tỉnh Lạng Sơn vào ngày 15/5/2017, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, do quan điểm sống không hòa hợp. Vợ chồng không còn chung sống với nhau, không liên lạc, không quan tâm đến nhau, anh Vi Văn N không tham gia tố tụng tại Tòa án, không cung cấp bản khai, không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị Hải Y là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Tô Thị Hải Y và anh Vi Văn N có 04 con chung là Vi Thị Kim N1, sinh ngày 09/5/2016; Vi Thị Thúy N2, sinh ngày 18/12/2018; Vi Thị Như Q, sinh ngày 15/8/2020 và Vi Quốc P sinh ngày 16/3/2023. Cả 04 người con hiện nay đều đang sống cùng anh Vi Văn N. Khi ly hôn chị Tô Thị Hải Y yêu cầu anh Vi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi con đủ 18 tuổi và chị Tô Thị Hải Y tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy anh Vi Văn N đi làm công ty, có thu nhập, có chỗ ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ và trực tiếp nuôi dưỡng 04 cháu từ khi chị Tô Thị Hải Y bỏ đi, các cháu vẫn được anh Vi Văn N và bố mẹ đẻ anh Vi Văn N chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo, 02 con chung đủ 07 tuổi có nguyện vọng được sống cùng anh Vi Văn N nên anh Vi Văn N đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 04 con chung. Do vậy, để bảo đảm sự phát triển toàn diện cho trẻ em và căn cứ theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử giao 04 con chung cho anh Vi Văn N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; chị Tô Thị Hải Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hằng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho mỗi con từ tháng 01/2026 đến khi con đủ 18 tuổi. Trường hợp chị Tô Thị Hải Y chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất theo quy định. Chị Tô Thị Hải Y có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con chung, không ai được cản trở chị Tô Thị Hải Y thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tô Thị Hải Y được ly hôn với anh Vi Văn N.

(Đăng ký kết hôn số 29, đăng ký ngày 15/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L (nay là xã N), tỉnh Lạng Sơn)

2. Về con chung: Giao 04 (bốn) con chung là cháu Vi Thị Kim N1, sinh ngày 09/5/2016; Vi Thị Thúy N2, sinh ngày 18/12/2018; Vi Thị Như Q, sinh ngày 15/8/2020 và Vi Quốc P sinh ngày 16/3/2023 cho anh Vi Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Tô Thị Hải Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hằng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho mỗi con từ tháng 01/2026 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Tô Thị Hải Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Tô Thị Hải Y thực hiện quyền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án, người phải thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Tô Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng số tiền án phí chị Tô Thị Hải Y phải nộp là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Tô Thị Hải Y đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000668 ngày 24/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Tô Thị Hải Y phải nộp tiếp số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 5 - tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực - Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai